

Bản án số: 47/2021/HS-ST  
Ngày 16-9-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Phạm Ngọc Minh  
+ Ông Lê Quang Chính

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2021/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

- **Mang N**, sinh năm 1997, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): Không; dân tộc: Raglay; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mang B, sinh năm 1955 (Đã chết) và bà Mang Thị L, sinh năm 1964; Chung sống với bà Mang Thị T, sinh năm 2002 như vợ chồng (Chưa đăng ký kết hôn); có 01 con chung sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo Mang N đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Bá Trung A – Luật sư cộng tác với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Bị hại:** Bà Mang Thị C, sinh năm 1984 (có mặt); Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị hại:** Bà Đinh Thị N, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Ông Mang T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bà Mang Thị T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

3. Anh Mang H, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

4. Em Mang Đ, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Người đại diện hợp pháp của Mang Đài:** Bà Mang Thị C, sinh năm 1984 và ông Mang T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 22 giờ ngày 13-4-2021 sau khi nhậu tại thềm nhà bà C, thì N đã đi vào khu vực đường luồn giữa nhà mình và nhà bà C để ngủ. Đến 00 giờ 00 phút ngày 14-4-2021, N tỉnh dậy nhìn qua cửa sổ thấy bà C đang nằm ngủ, N nảy sinh ý định quan hệ tình dục với bà C, N đã đi vào phòng khách lại gần vị trí bà C nằm, N lại gần kéo quần bà C xuống đầu gối để thực hiện hành vi giao cấu. N đã đưa dương vật của mình vào âm hộ của bà C, do bà C tưởng ông Mang T (là chồng bà C), bà C đã đẩy ra và kéo quần lên không cho giao cấu rồi ngủ tiếp. Khi bị bà C đẩy ra thì Mang N đi ra uống nước rồi N tiếp tục quay lại kéo quần bà C xuống ngang đầu gối tiếp tục đưa dương vật vào âm hộ bà C. Lúc này bà C phát hiện N giao cấu mình nên đã đẩy ra và hô lên “N mày hãm tao hả N”, nghe vậy N bỏ chạy về nhà mình. Đến ngày 15-4-2021 bà C đến Công an xã P trình báo sự việc. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện N N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra N còn khai nhận trong khoảng thời gian tháng 10-2021 lợi dụng bà C đang ngủ N đã 02 lần có hành vi sờ ngực của bà C.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tình dục số 09, ngày 19-4-2021 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận:

- Toàn thân: Không thấy tổn thương cũ và mới, không phát hiện dấu vết bất thường trên cơ thể.

- Màng trinh: Hình vành khăn, có vết rách cũ vị trí 01h, 03h, 05h, 07h, 09h tụ máu xuất huyết nhẹ vị trí kích thước (0,2 x 0,1)cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2867/C09B ngày 25-5-2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định độ tuổi của Mang N tại thời điểm giám định tháng 5-2021 thấp nhất 19 tuổi.

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Mang N không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Mang N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ và xử lý như sau: 01 giấy khai sinh bản sao của Mang Thị T; 01 trích lục khai sinh bản sao mang tên Mang T1, sinh ngày 21-9-2017; 01 bản pho tô chứng minh nhân dân mang số 264492698 mang tên Mang Thị C; 01 bản pho tô giấy khai sinh mang tên Mang T1, sinh ngày 21-9-2017; 01 bản pho tô sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Mang T, sinh năm 1978, ở thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Đây là những tài liệu liên quan đến vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đưa vào hồ sơ phục vụ điều tra, truy tố và xét xử.

- Về dân sự: Bị hại Mang Thị C đã nhận 1.000.000đ tiền bồi thường thiệt hại theo biên bản giao nhận ngày 31-8-2021, không yêu cầu bồi thường gì.

- Đối với hành vi N sờ ngực bà Mang Thị C tháng 10-2020, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì bà C là người trên 16 tuổi, nên hành vi của N không cấu thành tội xâm phạm đời sống riêng tư với người dưới 16 tuổi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự N.

- Riêng hành vi của Mang N và bà Mang Thị T, sinh ngày 16-4-2002 không đăng ký kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng có 01 con chung tên Mang Tài, sinh ngày 21-9-2017, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Mang N dưới 18 tuổi nhưng bà T trên 13 tuổi dưới 16 tuổi. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý N về tội “giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Tại phiên tòa bị cáo Mang N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-HS, ngày 27-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Mang N về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mang N phạm tội “hiếp dâm”. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s (Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại bà Mang Thị C có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Mang N từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20-5-2021;

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Mang N thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Mang N không trình bày tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Không đồng tình về tình tiết định khung điểm e khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự “có tính chất loạn luân” vì căn cứ vào Điều 8, 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp thì bị cáo với bà Mang Thị T (Là con bà Mang Thị C) chưa đăng ký kết hôn nên chưa thể coi là vợ chồng, từ đó không thể nói bà Mang Thị C là mẹ vợ, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự “quy định có lợi cho người phạm tội”. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận điểm e khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức tù khởi điểm tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự là 02 năm, để bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Người bị hại bà Mang Thị C có ý kiến tranh luận tại phiên tòa yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 13-4-2021 sau khi nhậu tại thềm nhà bà C, thì bị cáo đã đi vào khu vực đường luồn giữa nhà mình và nhà bà C để ngủ. Đến 00 giờ 00 phút ngày 14-4-2021, bị cáo tỉnh dậy nhìn qua cửa sổ thấy bà C đang nằm ngủ, bị cáo nảy sinh ý định quan hệ tình dục với bà C, bị cáo đã đi vào phòng khách lại gần vị trí bà C nằm, bị cáo lại gần kéo quần bà C xuống đầu gối để thực hiện hành vi giao cấu. Bị cáo đã đưa dương vật của mình vào âm hộ của bà C, do bà C tưởng ông Mang Tú (là chồng bà C), bà C đã đẩy ra và kéo quần lên không cho giao cấu rồi ngủ tiếp. Khi bị bà C đẩy ra thì bị cáo đi ra uống nước rồi bị cáo tiếp tục quay lại kéo quần bà C xuống ngang đầu gối tiếp tục đưa dương vật vào âm hộ bà C. Lúc này bà C phát hiện bị cáo giao cấu mình nên đã đẩy ra và hô lên “N mày hãm tao hả N”, nghe vậy bị cáo bỏ chạy về nhà mình.

Hành vi của bị cáo Mang N đã phạm tội “Hiếp dâm”. Được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với điểm e khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự (có tính chất loạn luân) mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị áp dụng cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo và bà Mang Thị T mặc dù trên thực tế có chung sống với nhau có một con chung nhưng chưa đăng ký kết hôn, căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc Hội ngày 09 tháng 6 năm 2000 quy định: “*Kể từ ngày 01*

*tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...” và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp, vì vậy, hôn nhân giữa bị cáo với bà Mang Thị T không phải là vợ chồng, từ đó xác định bà Mang Thị C không phải là mẹ vợ của bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự “quy định có lợi cho người phạm tội” không chấp nhận tình tiết “có tính chất loạn luân” mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị áp dụng cho bị cáo.*

[3]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người thành niên có sức khỏe, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc giao cấu trái ý muốn của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ bị cáo cố ý phạm tội; Tội phạm bị cáo thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự là tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 15 năm tù.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Mang N tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Quyết định hình phạt chính đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo đó là “bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số”, vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp ổn định. N không áp dụng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công

việc nhất định là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 141 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ và xử lý như sau: 01 giấy khai sinh bản sao của Mang Thị T; 01 trích lục khai sinh bản sao mang tên Mang T1, sinh ngày 21-9-2017; 01 bản pho tô chứng minh nhân dân mang số 264492698 mang tên Mang Thị C; 01 bản pho tô giấy khai sinh mang tên Mang T1, sinh ngày 21-9-2017; 01 bản pho tô sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Mang T, sinh năm 1978, ở thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Đây là những tài liệu liên quan đến vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đưa vào hồ sơ phục vụ điều tra, truy tố, xét xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Mang Thị C đã nhận 1.000.000đ tiền bồi thường thiệt hại theo biên bản giao nhận ngày 31-8-2021 và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với hành vi N sờ ngực bà Mang Thị C tháng 10-2020, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì bà C là người trên 16 tuổi, nên hành vi của N không cấu thành tội xâm phạm thân thể với người dưới 16 tuổi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Riêng hành vi của Mang N và bà Mang Thị T, sinh ngày 16-4-2002 không đăng ký kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng có 01 con chung tên Mang T1, sinh ngày 21-9-2017, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Mang N dưới 18 tuổi nhưng bà T trên 13 tuổi dưới 16 tuổi. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý N về tội “giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù theo mức khởi điểm của khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự là 02 năm thì không đủ răn đe và tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11]. Xét quan điểm bào chữa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[12]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Mang N thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Mang N phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng: Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm d khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Mang N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20-5-2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Mang N được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16-9-2021).

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Bình**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Minh – Lê Quang Chính**

**Nguyễn Thanh Bình**

